TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/KDTM-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Nguyễn Thanh Cần.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hà Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bế Mạnh C – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T; Địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1992; nơi cư trú: phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH TM DV T; địa chỉ: Tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1985; thường trú: T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên lạc: Tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, chức vụ - Giám đốc. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 8 năm 2023, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Chí T trình bày

Ông Bế Mạnh C là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Đ và Công ty TNHH TM DV T có quan hệ hợp tác kinh doanh từ tháng 9 năm 2018. Theo đó, nguyên đơn sẽ cung cấp cho bị đơn các bình khí công nghiệp bao gồm: Khí Oxy, CO2 và khí Ar. Hai bên không lập hợp đồng mua bán mà thông qua hình thức thỏa thuận bằng miệng và liên lạc bằng điện thoại. Mỗi đợt giao hàng theo yêu cầu của bị đơn và tại kho hàng của bị đơn. Mỗi chuyến giao hàng thì hai bên đều có ký xác nhận vào Phiếu nhập – Xuất hàng tại thời điểm giao nhận hàng. Vào cuối cuối mỗi tháng nguyên đơn tổng hợp các Phiếu nhập – Xuất hàng, phát hành hóa đơn và lập biên bản đối chiếu công nợ để gửi đến bị đơn và yêu cầu thanh toán.

Theo biên bản xác công nợ đến ngày 31/12/2021 do nguyên đơn xác lập, công nợ tính đến ngày 31/12/2021 là 113.911.400 đồng, cụ thể theo các Hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn đã xuất cho bị đơn, gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000361 ngày 29/4/2021; số 0000328 ngày 31/3/2021; số 0000303. Ngày 27/02/2021; số 0000284 ngày 30/01/2021; số 0000228 ngày 31/12/2020; số 0000198 ngày 30/11/2020; số 0000163 ngày 31/10/2020; số 0000137 ngày 30/9/2020 số 0000112 ngày 31/8/2020; số 0000095 ngày 31/7/2020; số 0000074 ngày 30/6/2020; số 0000063 ngày 29/4/2020; số 0000040 ngày 31/3/2020; số 0000034 ngày 29/02/2020; số 0000012 ngày 31/12/2019; số 0000696 ngày 30/11/2019; số 0000670 ngày 31/10/2019; số 0000643 ngày 30/9/2019; số 0000613 ngày 30/8/2019.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán, nhưng bị đơn trốn tránh và cố tình không trả nợ. Sau đó thì được biết bị đơn đã không còn hoạt động tại địa chỉ mà nguyên đơn thường đến giao hàng, người đại diện của bị đơn không còn liên hệ được và ngắt mọi liên lạc với nguyên đơn.

Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc là 113.911.400 đồng (Gồm tiền hàng chưa thanh toán là 104.111.400 đồng, tiền 05 vỏ chai thất lạc là 9.800.000 đồng) và tiền lãi tạm tính 35.312.534 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Bản photo các Phiếu nhập – Xuất hàng; Đơn đặt hàng; Bảng đối chiếu công nợ; Các hoá đơn giá trị gia tăng; Lệnh thanh toán; Sao kê tài khoản ngân hàng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số nợ gốc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 113.911.400 đồng. Thay đổi một phần yêu cầu đối với tiền lãi là không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi với số tiền 35.312.534 đồng

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá". Buộc bị đơn Công ty TNHH TM DV T phải thanh toán cho nguyên đơn Ông Bế Mạnh C – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T số tiền còn nợ là 113.911.400 đồng.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ phát sinh từ việc mua bán hàng hóa; bị đơn có trụ sở chính tại thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH TM DV T hiện nay đã tạm ngưng hoạt động, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thành hiện không có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn cũng như người đại diện hợp pháp của bị đơn hợp lệ, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xét thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền hàng còn nợ là 113.911.400 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn không ký kết hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng mua bán hàng hóa, việc mua bán hàng hóa được trao đổi qua điện thoại, nguyên đơn đã giao đủ số lượng hàng hoá theo yêu cầu của bị đơn và đã xuất các hoá đơn đúng với số lượng hàng hoá đã giao.

Theo các chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp bao gồm các Phiếu nhập – Xuất hàng, đơn đặt hàng, bảng đối chiếu công nợ, lệnh thanh toán, sao kê tài khoản ngân hàng và hoá đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn đã xuất cho bị đơn thể hiện ngoài số tiền hiện nay nguyên đơn khởi kiện theo các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000361 ngày 29/4/2021; số 0000328 ngày 31/3/2021; số 0000303. Ngày 27/02/2021; số 0000284 ngày 30/01/2021; số 0000228 ngày 31/12/2020; số 0000198 ngày 30/11/2020; số 0000163 ngày 31/10/2020; số 0000137 ngày 30/9/2020 số 0000112 ngày 31/8/2020; số 0000095 ngày 31/7/2020; số 0000074 ngày 30/6/2020; số 0000063 ngày 29/4/2020; số 0000040 ngày 31/3/2020; số 0000034 ngày 29/02/2020; số 0000012 ngày 31/12/2019; số 0000696 ngày 30/11/2019; số 0000670 ngày 31/10/2019; số 0000643 ngày 30/9/2019; số 0000613 ngày 30/8/2019 thì giữa nguyên đơn và bị đơn trước đó đã nhiều lần hợp tác làm ăn, nguyên đơn đã cung cấp cho bị đơn các bình khí công nghiệp bao gồm: Khí Oxy, CO2 và khí Ar từ tháng 9/2018. Các hóa đơn giá trị gia tăng trước đây đã được bị đơn thanh toán thông qua hình thức chuyển khoản.

Như vậy, có căn cứ cho rằng thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn có sự mua bán hàng hóa với nhau. Việc bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm quy định tại Điều 50, Điều 55 của Luật Thương Mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 113.911.400 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50; Điều 55 của Luật thương mại;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Bế Mạnh C – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T đối với bị đơn Công ty TNHH TM DV T về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Buộc Công ty TNHH TM DV T có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Bế Mạnh C – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T số tiền là 113.911.400 đồng (Một trăm mười ba triệu chín trăm mười một nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Ông Bế Mạnh C – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T phải chịu và đã nộp đủ

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH TM DV T phải chịu 5.695.570 đồng (Năm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi đồng).

- Trả lại cho Ông Bế Mạnh C – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T số tiền 3.731.000 đồng (Ba triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001834 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- THADS thành phố Tân Uyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

Đậu Thị Loan